

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Đinh Hồng Long | Chủ tịch |
| 2. Ông Đào Mạnh Kháng | Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Phạm Hồng Hải | Ủy viên |
| 4. Ông Lưu Quang Minh | Ủy viên |
| 5. Bà Lương Thị Anh Hà | Ủy viên |
| 6. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Lưu Quang Minh | Tổng Giám đốc (từ ngày 01/05/2011) |
| 2. Ông Đinh Hồng Long | Tổng Giám đốc (đến ngày 01/05/2011) |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 06/06/2011) |
| 4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Bà Phạm Thị Hà Thương | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Ông Hoàng Văn Diệm | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Số: 370 /2011/UHY-BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập tại ngày 26/08/2011 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến nhận xét trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất điểm sau:

Như đã nêu tại thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2011 theo giá gốc.

Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		436.105.556.549	472.728.287.587
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.107.077.628	108.987.752.974
Tiền	111		5.107.077.628	28.987.752.974
Các khoản tương đương tiền	112		-	80.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	284.944.710.403	70.242.679.019
Đầu tư ngắn hạn	121		286.891.005.857	72.459.028.023
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.946.295.454)	(2.216.349.004)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.739.451.700	256.694.981.905
Phải thu khách hàng	131		16.265.196.712	8.619.436.110
Trả trước cho người bán	132		85.143.524	199.459.463.635
Các khoản phải thu khác	135	7	93.662.403.955	48.665.957.751
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(273.292.491)	(49.875.591)
Hàng tồn kho	140		6.108.411.659	2.330.677.498
Hàng tồn kho	141	8	6.108.411.659	2.330.677.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.205.905.159	34.472.196.191
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.570.626	142.631.583
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.170.390.012	644.608.687
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	28.844.944.521	33.684.955.921
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.550.634.698	118.070.719.537
Tài sản cố định	220		5.109.639.793	4.542.197.755
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.109.639.793	4.542.197.755
- Nguyên giá	222		6.765.582.298	5.794.120.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.655.942.505)	(1.251.922.725)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		377.502.086.505	111.367.350.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	11	394.937.812.720	110.817.350.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(17.435.726.215)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.938.908.400	2.161.171.782
Chi phí trả trước dài hạn	261		378.747.932	725.613.402
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.560.160.468	435.558.380
Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		821.656.191.247	590.799.007.124

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		471.289.823.899	227.558.628.570
Nợ ngắn hạn	310		471.289.823.899	227.558.628.570
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	292.490.580.549	136.519.823.590
Phải trả người bán	312		40.222.413.760	413.535.437
Người mua trả tiền trước	313		7.900.048.312	12.704.434.670
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	13.923.301.377	15.505.512.403
Phải trả người lao động	315		464.642.318	-
Chi phí phải trả	316		8.281.436.345	1.943.846.164
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	104.185.418.839	60.187.017.368
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.821.982.399	284.458.938
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	350.366.367.348	363.240.378.554
Vốn chủ sở hữu	410		350.366.367.348	363.240.378.554
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.836.524.364	24.836.524.364
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(12.789.070.000)	(12.501.070.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	1.209.778.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	604.889.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.645.488.880	24.556.656.449
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		821.656.191.247	590.799.007.124
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)			44.904,06	44.012,81

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	169.185.843.214	129.167.671.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	169.185.843.214	129.167.671.483
Giá vốn hàng bán	11	18	157.923.523.247	89.406.107.493
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.262.319.967	39.761.563.990
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	33.389.199.066	28.853.494.671
Chi phí tài chính	22	20	60.952.819.054	20.299.579.961
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.800.259.119</i>	<i>3.217.049.503</i>
Chi phí bán hàng	24	21	3.024.553.441	6.226.214.711
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	3.782.132.144	3.231.029.620
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.107.985.606)	38.858.234.369
Thu nhập khác	31	23	35.011.704.540	272.813.422
Chi phí khác	32	24	1.200.880.000	49.437.020
Lợi nhuận khác	40		33.810.824.540	223.376.402
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.702.838.934	39.081.610.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.105.592.527	9.848.834.062
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(1.124.602.088)	(253.394.189)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.721.848.495	29.486.170.898
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		7.721.848.495	29.486.170.898
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	244	3.388

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
		đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	291.932.611.513	204.879.001.149
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(220.094.831.355)	(215.082.816.570)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.965.400.511)	(1.918.677.841)
Tiền chi trả lãi vay	04	(16.425.993.595)	(3.888.747.093)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.170.523.366)	(15.983.845)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.914.847.577	9.148.563.693
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(7.071.967.745)	(8.570.095.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.118.742.518	(15.448.755.791)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(971.461.818)	(917.425.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	272.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(488.352.907.616)	(426.666.926.750)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	230.573.542.870	433.379.712.593
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.718.920.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.550.000.000	1.920.510.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.802.479.176	2.289.315.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(241.398.347.388)	1.558.993.010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(288.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	623.344.716.944	369.281.364.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(555.657.787.420)	(326.949.813.816)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(68.501.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	67.398.929.524	42.273.049.351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(103.880.675.346)	28.383.286.570
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	108.987.752.974	7.817.170.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.107.077.628	36.200.457.309

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007 (thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 10 ngày 06/05/2011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐT BXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10, vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty thực hiện mua lại 20.000 cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 830.000 CP. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/06/2011 của Công ty là 31.623.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 30/06/2011, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	Tại ngày 30/06/2011	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung Hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
Tổng	2.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
Tur vản đầu tư (không bao gồm tur vản pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con bao gồm:

- Vận tải hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo chuyến, theo hợp đồng cố định;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Buôn bán đường sữa, và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Buôn bán đồ uống không có cồn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh nhằm đảo bảo để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là phù hợp và nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc giai đoạn.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	Thời gian sử dụng (năm)
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn khác được lập vào thời điểm kết thúc giai đoạn là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, giao dịch được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Công ty mẹ	Loại trừ	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND
-	Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	5.455.646.779	163.730.196.435	-	169.185.843.214
-	Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận			-	-
Tổng doanh thu theo bộ phận		5.455.646.779	163.730.196.435	-	169.185.843.214
Chi phí theo bộ phận					
-	Chi phí phân bổ trực tiếp	(5.417.112.864)	(159.313.095.968)	-	(164.730.208.832)
Kết quả hoạt động theo bộ phận		38.533.915	4.417.100.467	-	4.455.634.382
-	Thu nhập / (Chi phí) tài chính	(4.531.646.807)	(23.031.973.181)	-	(27.563.619.988)
-	Thu nhập / (Chi phí) khác	11.704.540	33.799.120.000	-	33.810.824.540
-	Lãi / (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế		(4.481.408.352)	15.184.247.286	-	10.702.838.934
Tại ngày 30/06/2011					
Tài sản					
-	Tài sản ngắn hạn	3.143.218.620	439.633.379.240	(6.671.041.311)	436.105.556.549
-	Tài sản cố định hữu hình	-	5.109.639.793	-	5.109.639.793
-	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
-	Tài sản dài hạn khác	-	380.880.834.437	(439.839.532)	380.440.994.905
Tổng tài sản		3.143.218.620	825.623.853.470	(7.110.880.843)	821.656.191.247
Nợ phải trả					
-	Nợ ngắn hạn	7.351.401.730	470.609.463.480	(6.671.041.311)	471.289.823.899
-	Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả		7.351.401.730	470.609.463.480	(6.671.041.311)	471.289.823.899
-	Chi phí vốn				-
Vốn chủ sở hữu		(4.208.183.110)	355.014.389.990	(439.839.532)	350.366.367.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.635.460.350	651.441.245
Tiền gửi ngân hàng	3.471.617.278	28.336.311.729
Các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
	5.107.077.628	108.987.752.974

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		30/06/2011		01/01/2011
	CP	VND	CP	VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	1.179.310	11.087.818.377	1.426.517	26.157.346.525
Cổ phiếu niêm yết				
Ngân hàng TMCP Á Châu	57	1.397.085	70.057	1.895.562.430
Công ty CP Xây lắp dầu khí	65	1.180.438	60.065	1.321.397.676
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	284.860	2.010.783.430	42.660	649.387.767
Công ty CP Cơ điện và XD Việt Nam	-	-	90.000	1.529.100.000
Công ty CP Sông Đà 3	55.400	384.560.000	70.400	1.189.834.320
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	50.000	580.000.000
Công ty CP Thép Việt Ý	-	-	45.000	1.823.868.000
Công ty CP ĐT Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	-	-	171.000	2.038.500.000
Công ty cp SIMCO Sông Đà	-	-	20.000	462.266.667
Công ty CP KD khí hoá lỏng Miền Bắc	-	-	204.500	3.056.423.304
Công ty cổ phần sông đà 704	19.100	174.249.759	25.000	534.642.857
Công ty CP Sông Đà 6	25.000	285.460.000	50.000	1.121.068.572
Công ty CP Sông Đà 9	-	-	30.000	760.525.714
Công ty CP TM dầu khí Sông Đà	30.000	219.000.000	50.000	1.119.800.000
Quỹ đầu tư CK Việt Nam	-	-	100.000	1.179.983.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	97.500	652.808.228	65.000	937.828.571
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	67.700	907.648.200	25.000	525.944.201
Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	-	-	21.000	554.380.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long	179.100	1.321.280.000	40.000	816.769.999
Công ty CP Sông đà 1	288.400	3.500.956.882	46.900	1.017.079.252
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	46.400	468.640.000	-	-
Công ty CP Xây dựng số 11	35.000	324.400.000	-	-
Các cổ phiếu niêm yết khác	50.728	835.454.355	149.935	3.042.984.195
- Đầu tư ngắn hạn khác		275.803.187.480		46.301.681.498
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay		275.682.332.480		46.180.826.498
<i>Trong đó</i>				
- Công ty CP BETA BQP vay (*)		200.000.000.000		
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay (**)		75.682.332.480		46.180.826.498
Thẻ Golf		120.855.000		120.855.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.946.295.454)		(2.216.349.004)
Cổ phiếu niêm yết		(1.946.295.454)		(2.216.349.004)
Tổng cộng	1.179.310	284.944.710.403	1.426.517	70.242.679.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

(*) Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011).

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi phần vốn góp vào Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên sở hữu với số cổ phần 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc.

(**) Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	47.405.000	45.126.461.762
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản	2.391.200.000	2.520.000.000
Lãi hợp đồng Repo chứng khoán	-	22.664.889
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình (1)	510.225.000	481.675.000
Phải thu Ông Nguyễn Anh Quân, chi tiết:	87.007.226.646	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC (2), gồm:	75.638.888.889	-
+ <i>Lãi vay phải thu</i>	2.638.888.889	-
+ <i>Tiền gốc góp vốn đầu tư</i>	38.000.000.000	-
+ <i>Tiền phạt vi phạm hợp đồng</i>	35.000.000.000	-
- Phải thu lãi vay hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA (3)	11.368.337.757	-
Tiền lãi vay phải thu khác	3.705.638.339	515.156.100
Phải thu khác	708.970	-
	93.662.403.955	48.665.957.751

(1) Số phải thu Công ty CP Cơ điện và Công trình về khoản lãi trong hợp đồng hợp tác liên doanh ngày 22/01/2008. Đến hết ngày 30/06/2011, hợp đồng này đã hết thời hạn và Công ty CP Cơ điện và Công trình mới thanh toán hết tiền gốc góp vốn cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

(2) Ngày 22/03/2011, Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC với Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng về việc hợp tác đầu tư dự án Thanh Hà. Công ty đã chuyển cho Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng tổng số tiền là 38.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 14/06/2011, Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng đã có công văn số 26/2011/CV-TDM gửi cho Công ty đề nghị chấm dứt trước hạn hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên. Theo đó, Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng phải trả cho Công ty phần vốn đã góp là 38.000.000.000 đồng cùng lãi vay 2.638.888.889 đồng và khoản phạt do vi phạm hợp đồng là 35.000.000.000 đồng.

(3) Lãi vay phải thu theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/BETA ngày 27/01/2011 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 03/04/2011. Chi tiết về hợp đồng này được trình bày tại thuyết minh số 6.

Toàn bộ công nợ phải thu Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng theo 2 hợp đồng trên được chuyển sang cho ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng theo Công văn số 26/2011/CV-TDM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA - Bộ Quốc phòng.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	2.327.454.674
Hàng hoá	-	3.222.824
Giá trị gốc của hàng tồn kho	6.108.411.659	2.330.677.498

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	28.797.444.521	17.092.983.921
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.500.000	16.591.972.000
- Ký quỹ bằng tiền	47.500.000	8.451.972.000
<i>Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam</i>	-	3.746.982.000
<i>Công ty CP Chứng khoán MHB</i>	47.500.000	3.964.260.000
<i>Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản</i>	-	740.730.000
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán	-	8.140.000.000
<i>Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt nam</i>	-	8.140.000.000
	28.844.944.521	33.684.955.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	5.581.719.586	212.400.894	5.794.120.480
Tăng trong kỳ	971.461.818	-	971.461.818
- Tăng do mua mới	971.461.818	-	971.461.818
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2011	6.553.181.404	212.400.894	6.765.582.298
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2011	1.122.610.816	129.311.909	1.251.922.725
Khấu hao trong kỳ	384.966.818	19.052.962	404.019.780
- Trích khấu hao trong kỳ	384.966.818	19.052.962	404.019.780
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2011	1.507.577.634	148.364.871	1.655.942.505
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	4.459.108.770	83.088.985	4.542.197.755
30/06/2011	5.045.603.770	64.036.023	5.109.639.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

		30/06/2011		01/01/2011
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	41.440.350.000	-	29.700.350.000
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	2.995.035	41.440.350.000	2.195.035	29.700.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	1.338.000	13.380.000.000	978.000	9.780.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng công ty CP Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP FLC	150.000	3.000.000.000	150.000	3.000.000.000
+ Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	490.000	9.065.000.000	50.000	925.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		353.497.462.720		81.117.000.000
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		5.067.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC		3.900.000.000		3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		13.500.000.000		15.500.000.000
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diêm Thụy		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (*)		274.380.462.720		-
Tổng cộng	2.995.035	394.937.812.720	2.195.035	110.817.350.000

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

- (*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng, Hà Đông, Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06 ngày 28/06/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận hợp tác đầu tư, Công ty sẽ góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m2 từ tầng 7 đến tầng 33. Thỏa thuận hợp tác đầu tư chia làm nhiều giai đoạn góp vốn. Giá trị phải góp đợt 4 là 21.526.333.920 đồng.

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	33.342.681.841	8.315.428.190
Ngân hàng Techcombank - Hội sở (*)	17.511.628.125	50.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	6.699.000.000
Công ty CP Chứng khoán MHB	-	2.412.100.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội	-	3.859.970.400
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (*)	49.080.000.000	50.000.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán Nam Việt	47.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	289.561.128	-
Vay các cá nhân (**)	192.219.709.455	15.233.325.000
	292.490.580.549	136.519.823.590

(*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng, Hà Đông, Hà Nội.

(**) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng, Hà Đông, Hà Nội với số tiền là 112.788.314.055 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	85.345.894	4.913.306.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.381.010.428	10.413.229.827
Thuế thu nhập cá nhân	120.866.045	178.976.084
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	-
	13.923.301.377	15.505.512.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (1)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP chứng khoán MHB-Hà Nội	134.140.000	5.719.327.862
Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	-	29.520.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm dầu khí Việt Nam	-	3.514.720.000
Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	-	742.211.460
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội (2)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	13.851.828.505
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	16.267.249.376	40.569.376
Công ty CP Chứng khoán Nam Việt	7.335.117.707	-
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu tư (3)	44.097.150.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	351.761.756	288.840.165
	104.185.418.839	60.187.017.368

- (1) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ.
- (2) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.
- (3) Số phải trả các cá nhân hợp tác đầu tư dự án Thanh Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh ngày 06/05/2011	
	'000VND	Số cổ phiếu
Vốn góp của cổ đông sáng lập	20.652.400	2.065.240
<i>Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà</i>	<i>27.600</i>	<i>2.760</i>
<i>Ông Đinh Hồng Long</i>	<i>10.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Ông Đào Mạnh Kháng</i>	<i>3.400.800</i>	<i>340.080</i>
<i>Ông Phạm Hồng Hải</i>	<i>1.300.000</i>	<i>130.000</i>
<i>Bà Lương Thị Anh Hà</i>	<i>1.270.000</i>	<i>127.000</i>
<i>Ông Lưu Quang Minh</i>	<i>2.304.000</i>	<i>230.400</i>
<i>Ông Nguyễn Thanh Sơn</i>	<i>2.000.000</i>	<i>200.000</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai</i>	<i>350.000</i>	<i>35.000</i>
Vốn góp của cổ đông khác	303.881.200	30.388.120
	324.533.600	32.453.360

Trong năm 2011, Công ty tiến hành mua lại 20.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 30/06/2011 là 31.623.360 cổ phiếu.

16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>324.533.600.000</i>	<i>87.020.000.000</i>
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>324.533.600.000</i>	<i>87.020.000.000</i>
Cổ tức lợi nhuận đã chia	16.226.680.000	-

16.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.453.360	32.453.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.453.360</i>	<i>32.453.360</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	830.000	810.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>830.000</i>	<i>810.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.623.360	31.643.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.623.360</i>	<i>31.643.360</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	830.000	810.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	8.792.104.429	96.418.090.726
Tăng vốn trong năm	237.513.600.000	24.332.524.364	-	(12.501.070.000)	-	-	-	249.345.054.364
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	33.134.386.826	33.134.386.826
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(14.793.400.000)	(14.793.400.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	982.720.000	491.360.000	(2.564.657.690)	(1.090.577.690)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	238.601.444	-	-	-	(11.777.116)	226.824.328
31/12/2010	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	24.556.656.449	363.240.378.554
01/01/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	24.556.656.449	363.240.378.554
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(288.000.000)	-	-	-	(288.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.721.848.495	7.721.848.495
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.661.634.685	1.663.521.678	(4.325.156.363)	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(20.307.859.701)	(20.307.859.701)
30/06/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.789.070.000)	3.871.413.179	2.268.410.925	7.645.488.880	350.366.367.348

(*) Giảm lợi nhuận do:

+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành và chia phần cổ tức còn lại năm 2010 tương ứng với 5% phải trả các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 số 01/NQ- ĐHĐCĐ/2011 ngày 19/4/2011 với số tiền lần lượt là 3.327.043.357 đồng, 300.000.000 đồng và 16.226.680.000 đồng.

+ Các khoản truy thu thuế và phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế của Chi cục thuế huyện Từ Liêm, số tiền là: 454.136.344 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.185.843.214	129.167.671.483
- Doanh thu bán hàng	161.965.405.490	94.735.998.264
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.220.437.724	34.431.673.219
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	169.185.843.214	129.167.671.483

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	157.923.523.247	89.406.107.493
	157.923.523.247	89.406.107.493

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.457.313.851	1.842.402.008
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.271.860.167	25.847.564.668
Cổ tức lợi nhuận được chia	409.107.900	958.407.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.597.192	31.753.606
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.127.319.956	173.366.889
	33.389.199.066	28.853.494.671

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.800.259.119	3.217.049.503
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	24.509.007.130	13.577.029.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.680.101	1.287.599.841
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(270.053.550)	(1.266.246.533)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	17.435.726.215	-
Chi phí tài chính khác	1.458.200.039	3.484.147.224
	60.952.819.054	20.299.579.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.128.350.800	958.499.835
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	117.438.200	83.142.380
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.596.970	88.612.798
Chi phí thuế, phí, lệ phí	12.209.246	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.357.974.255	3.955.039.518
Chi phí bằng tiền khác	357.983.970	1.140.920.180
	3.024.553.441	6.226.214.711

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.855.057.808	1.490.119.872
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	445.387.711	340.298.215
Chi phí khấu hao TSCĐ	353.422.810	305.923.687
Chi phí thuế, phí, lệ phí	99.838.067	165.238.776
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	223.416.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.380.239	661.135.053
Chi phí bằng tiền khác	235.628.609	268.314.017
	3.782.132.144	3.231.029.620

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	35.000.000.000	-
Thu nhập khác	11.704.540	272.813.422
	35.011.704.540	272.813.422

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	1.200.000.000	-
Phạt chậm nộp thuế	880.000	-
Chi phí khác	-	49.437.020
	1.200.880.000	49.437.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.702.838.934	39.081.610.771
Các khoản điều chỉnh khối thu nhập chịu thuế	(4.089.300.452)	(100.679.257)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	392.107.900	912.897.500
- Lỗ Công ty con	(4.481.408.352)	(1.013.576.757)
Điều chỉnh tăng chi phí tính thuế	3.780.956.985	-
- Chi phí lãi vay đã tính thuế TNDN theo biên bản quyết toán thuế	3.780.956.985	-
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	1.749.046.697	213.046.219
- Phạt hành chính	880.000	15.983.845
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	1.677.007.632	197.062.374
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	71.159.065	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.760.229.098	39.395.336.247
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	3.190.057.274	9.848.834.062
Chi phí thuế TNDN phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	915.535.253	
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	4.105.592.527	9.848.834.062
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.124.602.088)	(253.394.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.980.990.439	9.595.439.873

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

26.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.721.848.495	29.486.170.898
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	31.635.625	8.702.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	244	3.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

26.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	31.643.360	8.702.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
Số cổ phiếu quỹ tăng trong kỳ		
+ Ngày 22/04/2011	(20.000)	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	31.635.625	8.702.000

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Đinh Hồng Long	10.550.000.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	1.950.000.000	-
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	10.550.000.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	265.000.000	-
<i>Lãi vay</i>		
Ông Đinh Hồng Long	623.275.000	625.256.561
Ông Lưu Quang Minh	130.470.167	-
<i>Lãi vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	623.275.000	625.256.561
Cho vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Lưu Quang Minh	-	588.316.000
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Lưu Quang Minh	-	1.798.316.000
Giao dịch khác		
<i>Ông Nguyễn Thanh Sơn</i>		
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần	-	1.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công nợ phải thu		
Công ty CP Cơ điện và Công trình	510.225.000	481.675.000
Vay ngắn hạn		
Ông Lưu Quang Minh	1.685.000.000	-
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	1.500.000.000

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét.

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng